

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **250/2018/HNGĐ_ST**
Ngày: 14/8/2018
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Nhựt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thìn – Cán bộ hưu trí

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – Cán bộ Hội liên Hiệp phụ nữ Tp.Biên Hòa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Thu Thương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Hoàng Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018, tại Hội trường 06 – Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2171/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 261/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thụy Thu X**, sinh năm 1992

Địa chỉ: 491/4, Kp.10, P.Tân Biên, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông **Phạm Quang Y**, sinh năm 1988

Địa chỉ: 83/2, Kp.8A, P.Tân Biên, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Bà X xin vắng mặt, ông Y vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Phạm Thụy Thu X trình bày: Năm 2014, bà cùng ông Phạm Quang Y tự nguyện kết hôn và đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Biên, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Ngày 04/3/2014, UBND phường Tân Biên đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 44, quyển số 01/2014 cho vợ chồng ông bà. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn do ông Y thường xuyên cờ bạc, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Dù hai bên gia đình đã hàn gắn đoàn tụ nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân hơn nửa năm nay, hai bên không còn quan tâm,

chăm sóc gì cho nhau. Nay tình cảm giữa các bên không còn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Y.

Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Đăng Thư, sinh ngày 30/6/2015. Khi ly hôn bà đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn để các bên tự thỏa thuận, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn bà X xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản tự khai ngày 27/3/2018 bị đơn ông Phạm Quang Y trình bày:
Về quan hệ hôn nhân như bà X trình bày là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng không hề có mâu thuẫn, sống rất hạnh phúc và có 1 con chung là Phạm Đăng Thư, sinh ngày 30/6/2015. Tuy nhiên, do có vài sự hiểu nhầm bên gia đình vợ, nên trong lúc nóng giận bà X đã làm đơn ly hôn với ông. Nay với yêu cầu xin ly hôn của bà X thì ông không đồng ý vì còn thương vợ, thương con.

Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông ly hôn thì ông đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà X cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn, do không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà X nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết:

- Nguyên đơn bà Phạm Thụy Thu X khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Quang Y đối chiếu Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp ly hôn. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà Phạm Thụy Thu X là nguyên đơn, ông Phạm Quang Y là bị đơn trong vụ án.

- Bà X và ông Y thường trú tại phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Về thủ tục tố tụng khác: Nguyên đơn bà X có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Y đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, không có lý do; căn cứ khoản 01, điểm b khoản 02 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

3. Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Phạm Thụy Thu X và ông Phạm Quang Y tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được UBND phường Tân Biên, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết số 44, quyền số 01/2014 ngày 04/3/2014 nên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà X xác định do ông Y cờ bạc nên dẫn đến các bên mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân và xác định không còn tình cảm với ông Y. Ông Y xác định vẫn thương vợ con không muốn ly hôn, bà X đệ đơn xin ly hôn do có một số hiểu lầm từ gia đình bên vợ. Theo biên bản xác minh ngày 25/6/2018 địa phương nơi bà X ông Y sinh sống xác định không biết được mâu thuẫn giữa ông Y bà X có hay không nhưng được biết vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay.

Xét thấy, giữa các bên sống ly thân với nhau là có thật, bà X xác định không còn tình cảm với ông Y và cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Khanh. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà X là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Con chung là Phạm Đăng Thư, sinh ngày 30/6/2015. Khi ly hôn bà X đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi con. Ông Y cũng có ý kiến nếu ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà X cấp dưỡng. Xét thấy, cháu Thư là bé gái, dưới 36 tháng tuổi nên việc giao cháu Thư cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật. Bà X không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên ông Y không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn bà X xác định là tự thỏa thuận, ông Y xác định không đồng ý ly hôn, nên các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về án phí: Bà Phạm Thụy Thu X phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 68, 227, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thụy Thu X đối với bị đơn ông Phạm Quang Y về việc tranh chấp ly hôn.

Tuyên xử:

Bà Phạm Thụy Thu X, sinh năm 1992 được ly hôn với ông Phạm Quang Y, sinh năm 1988.

Về con chung: Giao con chung là con chung là Phạm Đăng Thư, sinh ngày 30/6/2015 cho bà Phạm Thụy Thu X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Y không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Y được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Bà Phạm Thụy Thu X phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 002999 ngày 24/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà X đã nộp đủ án phí theo quy định.

Bà X, ông Y được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tp. Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp. Biên Hòa
- UBND P. Tân Biên
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Minh Nhựt